

Tên:

Ngữ pháp HW:

Lớp: S2...

Độc HW:

Ngày giao bài: Thứ ..., ngày .../....

Ngày nộp bài: Thứ ..., ngày .../....

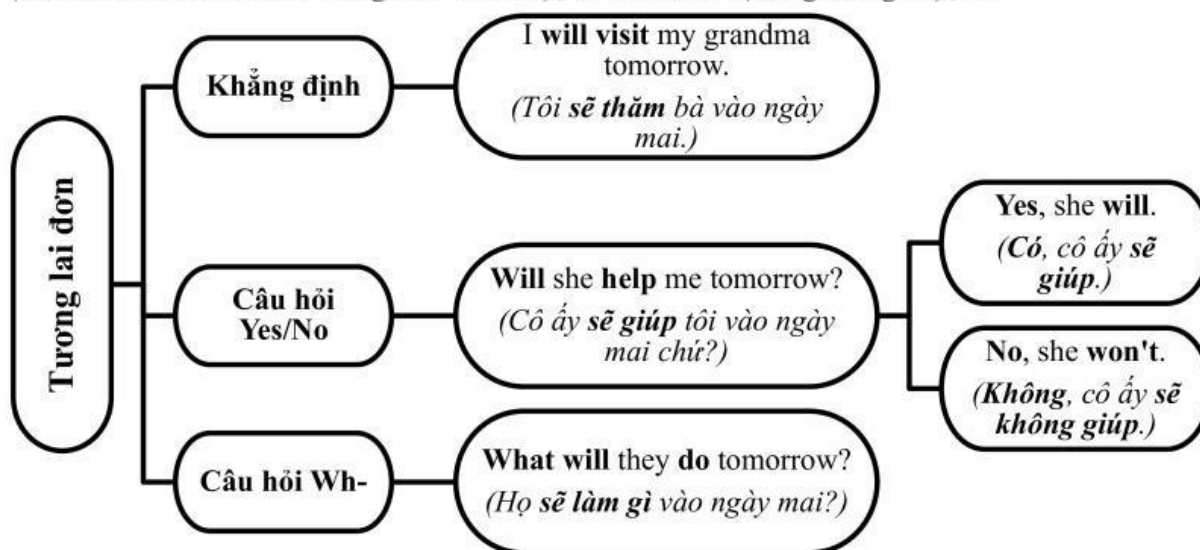


GE2: Unit 8 - Grammar 2 & Grammar 1 Revision

A. THEORY

I. UNIT 8 - GRAMMAR 2: Future Simple (Tương lai đơn)

- Cách dùng: để nói về hành động sẽ xảy ra trong tương lai.
- Dấu hiệu nhận biết: **tomorrow** (ngày mai); **next week / next weekend / next month / next year** (tuần tới / cuối tuần tới / tháng tới / năm tới); **in the future** (trong tương lai); ...



*Note: won't = will not.

II. UNIT 8 - GRAMMAR 1 REVISION

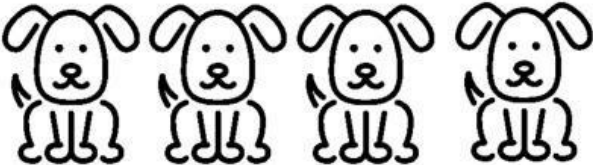
❖ Possessive pronouns – mine / yours (Đại từ sở hữu – mine / yours)

- Cách dùng: để nói "cái này là của ai".

- Ví dụ: "This book is **my book**." → "This book is **mine**." (Cuốn sách này là của tôi.)

"This pen is **your pen**." → "This pen is **yours**." (Cây bút này là của bạn.)

❖ There is / There are

There is	There are
There is an apple . 	There are three apples . 
There is a dog . 	There are four dogs . 

III. EXTRA VOCABULARY

No.	Word	Meaning	No.	Word	Meaning
1	sock (n)	tất	3	point (n)	điểm
2	jeans (n)	quần bò			

**Note: n = noun: danh từ.*

B. HOMEWORK

GRAMMAR (16 questions)

Exercise 1. Con học thuộc nghĩa của từ, chỉnh phát âm theo từ điển và chép mỗi từ ở mục III. EXTRA VOCABULARY (trang 2) 1 dòng vào vở ghi.

Exercise 2. Look, read and circle the correct answers. (Nhìn, đọc và khoanh tròn đáp án đúng.)

0.		I will around the world when I'm older. ☒ a. travel ☐ b. to travel
1.		My sister be a singer because she loves singing. ☐ a. wills ☐ b. will
2.		They will two pets. ☐ a. having ☐ b. have
3.		Will we on the moon? No, we won't. ☐ a. live ☐ b. to live
4.		My father be happy when he sees my point! ☐ a. will ☐ b. wills
5.		Where live when you grow up? ☐ a. you will ☐ b. will you

Exercise 3. Read the sentences and circle the correct one. (Đọc các câu và khoanh tròn câu đúng.)

0.

(a) *This is my bag. The bag is mine.*

b. *This is my bag. The bag is my.*

c. *This is my bag. The bag is me.*

2.

a. *This is your book. The book is your.*

b. *This is your book. The book is yours.*

c. *This is your book. The book is you.*

4.

a. *There is a cat on the floor.*

b. *There are a cat on the floor.*

c. *There is cat on the floor.*

1.

a. *There are two chairs in the room.*

b. *There is two chairs in the room.*

c. *There are two chair in the room.*

3.

a. *This tablet is you.*

b. *This tablet is your.*

c. *This tablet is yours.*

5.

a. *There is three books on the table.*

b. *There are three book on the table.*

c. *There are three books on the table.*

Exercise 4. Read and circle true or false for these sentences. (Đọc và khoanh tròn đúng hoặc sai.)



I think my weekend will be very fun. On Saturday, I will visit my grandma and I will play in the garden. On Sunday, I will help my mum cook lunch. My brother will watch TV, and we will eat dinner together in the evening.

0. *He will visit his grandma on Saturday.*

True

False

1. *He will play in the garden.*

True

False

2. *He will go to school on Sunday.*

True

False

3. *He will help his mum cook lunch.*

True

False

4. *His brother will sleep.*

True

False

5. *They will eat dinner together in the evening.*

True

False

6*. What will you do next weekend?

→

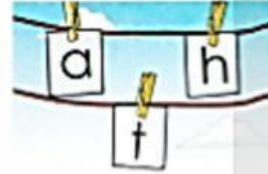
STARTERS PART 3

Look at the pictures. Look at the letters. Write the words.

Example



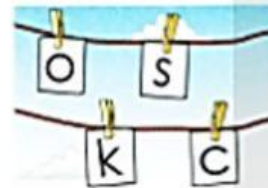
h a t



Questions

1





2





3





4





5



